

CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ KỸ THUẬT SEIKI VIỆT NAM
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ KỸ THUẬT SEIKI VIỆT NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: VIET NAM SEIKI TECHNICAL EQUIPMENT COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: SEIKI TECH VIET NAM CO.,LTD

2. Mã số doanh nghiệp: 0108455443

3. Ngày thành lập: 04/10/2018

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 12, ngõ 150 đường Cổ Linh, Phường Thạch Bàn, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0987524158

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Sản xuất các thiết bị nâng, hạ và bốc xếp	2816
2.	Sản xuất các loại dây bện và lưới	1394
3.	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác	1621
4.	Sản xuất giấy nhẵn, bìa nhẵn, bao bì từ giấy và bìa	1702
5.	Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống)	4512
6.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy (trừ hoạt động đấu giá)	4543
7.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771
8.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230
9.	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục	8560
10.	Thu gom rác thải không độc hại	3811
11.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh (Điều 28 Luật thương mại)	8299
12.	Sản xuất thiết bị truyền thông	2630
13.	Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng	2640
14.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác (trừ hoạt động đấu giá)	4511
15.	Sản xuất hoá chất cơ bản	2011
16.	Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc lào trong các cửa hàng chuyên doanh	4724

17.	Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh	4730
18.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: - Bán lẻ hoa, cây cảnh, cá cảnh, chim cảnh, vật nuôi cảnh trong các cửa hàng chuyên doanh Bán lẻ vàng, bạc, đá quý và đá bán quý, đồ trang sức trong các cửa hàng chuyên doanh Bán lẻ hàng lưu niệm, hàng đan lát, hàng thủ công mỹ nghệ trong các cửa hàng chuyên doanh Bán lẻ tranh, ảnh và các tác phẩm nghệ thuật khác (trừ đồ cổ) trong các cửa hàng chuyên doanh Bán lẻ dầu hỏa, gas, than nhiên liệu dùng cho gia đình trong các cửa hàng chuyên doanh Bán lẻ đồng hồ, kính mắt trong các cửa hàng chuyên doanh Bán lẻ máy ảnh, phim ảnh và vật liệu ảnh trong các cửa hàng chuyên doanh Bán lẻ xe đạp và phụ tùng trong các cửa hàng chuyên doanh Bán lẻ hàng hóa khác mới chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4773
19.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ Chi tiết: Hoạt động điều hành bến xe Hoạt động quản lý, điều hành đường cao tốc, cầu, hầm đường bộ Hoạt động quản lý bãi đỗ, trông giữ phương tiện đường bộ Hoạt động dịch vụ khác hỗ trợ liên quan đến vận tải đường bộ	5225
20.	Bán buôn gạo, lúa mì, hạt ngũ cốc khác, bột mì	4631
21.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641
22.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Bán buôn phân bón, thuốc trừ sâu và hóa chất khác sử dụng trong nông nghiệp Bán buôn hóa chất khác (trừ loại sử dụng trong nông nghiệp) Bán buôn chất dẻo dạng nguyên sinh Bán buôn cao su Bán buôn tơ, xơ, sợi dệt Bán buôn phụ liệu may mặc và giày dép Bán buôn phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại Bán buôn chuyên doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu	4669
23.	Sản xuất linh kiện điện tử	2610

24.	Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa chưa được phân vào đầu Chi tiết: - Sản xuất giấy vệ sinh cá nhân và giấy dùng trong gia đình và sản phẩm chèn lót bằng xenlulo như: + Giấy vệ sinh. + Khăn ăn, giấy ăn, khăn lau, + Băng vệ sinh và khăn lau vệ sinh, tã giấy cho trẻ sơ sinh, + Cốc, chén đĩa, khay bằng giấy. - Sản xuất các đồ dệt chèn lót và sản phẩm chèn lót như: giấy vệ sinh, băng vệ sinh - Sản xuất giấy viết, giấy in; - Sản xuất giấy in cho máy vi tính; - Sản xuất phong bì, bưu thiếp; - Sản xuất sổ sách, sổ kế toán, bìa rời, an-bum và các đồ dùng văn phòng phẩm tương tự dùng trong giáo dục và thương mại; - Sản xuất hộp, túi, túi dệt, giấy tóm tắt bao gồm sự phân loại đồ dùng văn phòng phẩm bằng giấy;	1709
25.	Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh	2023
26.	Sản xuất thiết bị và dụng cụ quang học	2670
27.	Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện	2710
28.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
29.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác (trừ hoạt động đấu giá)	4530
30.	Bán mô tô, xe máy (trừ hoạt động đấu giá)	4541
31.	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy	4542
32.	Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc lào	4634
33.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753
34.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
35.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
36.	Bán buôn đồ uống	4633
37.	Sản xuất bi, bánh răng, hộp số, các bộ phận điều khiển và truyền chuyển động	2814
38.	Sản xuất bao bì bằng gỗ	1623
39.	Sản xuất bột giấy, giấy và bìa	1701
40.	In ấn	1811
41.	Dịch vụ liên quan đến in	1812
42.	Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn	3311
43.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312

44.	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	3313
45.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
46.	Sản xuất thiết bị sử dụng năng lượng chiết lưu	2812
47.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện	1629
48.	Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4761
49.	Bán lẻ băng đĩa âm thanh, hình ảnh (kể cả băng, đĩa trắng) trong các cửa hàng chuyên doanh	4762
50.	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Dịch vụ chuyển giao công nghệ (Khoản 7, điều 2 Luật chuyển giao công nghệ)	7490
51.	Thu gom rác thải độc hại	3812
52.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại	3821
53.	Sản xuất đồ điện dân dụng	2750
54.	Sản xuất thiết bị điện khác	2790
55.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
56.	Vận tải hành khách đường bộ khác	4932
57.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại (trừ kinh doanh vàng miếng, vàng nguyên liệu)	4662
58.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	4742
59.	Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh	4751
60.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931
61.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
62.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình chưa được phân vào đâu Chi tiết: Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác Bán buôn dược phẩm và dụng cụ y tế Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao	4649
63.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661
64.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
65.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711

66.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4719
67.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
68.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
69.	Vận tải hành khách bằng xe buýt loại khác	4929
70.	Bốc xếp hàng hóa	5224
71.	Cho thuê xe có động cơ	7710
72.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển Chi tiết: Cho thuê máy móc, thiết bị nông, lâm nghiệp không kèm người điều khiển Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng không kèm người điều khiển Cho thuê máy móc, thiết bị văn phòng (kể cả máy vi tính) không kèm người điều khiển Cho thuê tàu, thuyền và kết cấu nổi không kèm người điều khiển Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác, không kèm người điều khiển chưa được phân vào đâu	7730
73.	Bán buôn thực phẩm	4632
74.	Sản xuất sản phẩm từ plastic	2220
75.	Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại	2512
76.	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại	2591
77.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
78.	Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại	2733
79.	Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng	2740
80.	Sản xuất máy bơm, máy nén, vòi và van khác	2813
81.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
82.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
83.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
84.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
85.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
86.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
87.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
88.	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	0810
89.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
90.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
91.	Đúc kim loại màu	2432
92.	Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng	2593

93.	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đầu Chi tiết: - Sản xuất hộp và can để đựng thức ăn, ống và hộp gập lại được ; - Sản xuất các chi tiết kim loại gia dụng như : Đồ dẹt: đĩa nông lòn ; Đồ nấu như: nồi, ấm; Đồ ăn như: bát, đĩa; Chảo, chảo rán và các đồ nấu không có điện để sử dụng trên bàn hoặc trong bếp, các thiết bị cầm tay nhỏ, miếng đệm làm sạch kim loại ; - Sản xuất chậu tắm, chậu giặt và các đồ tương tự. - Sản xuất các thiết bị văn phòng bằng kim loại, trừ đồ đặc ; - Sản xuất cửa an toàn, kết, cửa bọc sắt; - Sản xuất thùng, can, thùng hình ống, xô, hộp ; - Sản xuất hộp kim loại đựng thức ăn, hộp và ống tuýp có thể gập lại được ; - Sản xuất các sản phẩm máy móc có đinh vít ; - Sản xuất các động cơ (trừ động cơ đồng hồ) như : Xoắn ốc, động cơ thanh xoắn, các tấm lá trong động cơ ; - Sản xuất dây cáp kim loại, dải xếp nếp và các chi tiết tương tự ; - Sản xuất dây cáp kim loại cách điện hoặc không cách điện ; - Sản xuất các chi tiết được làm từ dây: dây gai, dây rào dậu, vĩ, lưới, vải; - Sản xuất đinh hoặc ghim ; - Sản xuất đinh tán, vòng đệm và các sản phẩm không ren tương tự ; - Sản xuất các sản phẩm đinh vít - Sản xuất bulông, đai ốc và các sản phẩm có ren tương tự ;	2599
94.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
95.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
96.	Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh	4763
97.	Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh	4764
98.	Tái chế phế liệu (không bao gồm kinh doanh các loại phế liệu nhập khẩu gây ô nhiễm môi trường);	3830
99.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: Đại lý bán hàng hóa Môi giới mua bán hàng hóa	4610
100.	Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh	2013(Chính)

101.	Sản xuất sản phẩm hoá chất khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Sản xuất giêlatin và dẫn xuất giêlatin, keo hồ và các chất đã được pha chế, bao gồm keo cao su ; - Sản xuất chiết xuất của các sản phẩm hương liệu tự nhiên ; - Sản xuất chất giống nhựa ; - Sản xuất nước hương liệu nguyên chất chưng cất ; - Sản xuất sản phẩm hỗn hợp có mùi thơm dùng cho sản xuất nước hoa hoặc thực phẩm ; - Sản xuất các sản phẩm hoá chất khác như: Dầu mỡ, Dầu hoặc mỡ được pha chế bằng quá trình hoá học, Bột và bột nhão sử dụng trong hàn, Sản xuất chất để tẩy kim loại, Sản xuất chất phụ gia cho xi măng, Sản xuất các bon hoạt tính, chất phụ gia cho dầu nhờn, chất xúc tác cho cao su tổng hợp, chất xúc tác và sản phẩm hoá chất khác sử dụng trong công nghiệp;	2029
102.	Sản xuất săm, lốp cao su; đắp và tái chế lốp cao su	2211
103.	Sản xuất kim loại quý và kim loại màu (trừ vàng)	2420
104.	Sản xuất sơn, véc ni và các chất sơn, quét tương tự; sản xuất mực in và ma tít	2022
105.	Sản xuất sản phẩm khác từ cao su	2219
106.	Sản xuất máy thông dụng khác	2819
107.	Cửa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ	1610
108.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	3100
109.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
110.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác (trừ hoạt động đầu giá)	4513
111.	Bán buôn tổng hợp (Trừ loại của Nhà nước cấm)	4690
112.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
113.	Sản xuất sắt, thép, gang	2410
114.	Đúc sắt, thép	2431
115.	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511
116.	Sản xuất dây cáp, sợi cáp quang học	2731
117.	Sản xuất dây, cáp điện và điện tử khác	2732
118.	Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)	3315
119.	Sửa chữa thiết bị khác	3319
120.	Xây dựng nhà để ở	4101
121.	Xây dựng nhà không để ở	4102
122.	Phá dỡ	4311
123.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653

124.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện) Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi) Bán buôn máy móc, thiết bị y tế Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác chưa được phân vào đâu	4659
125.	Bán lẻ hàng hóa đã qua sử dụng trong các cửa hàng chuyên doanh	4774
126.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet (Không bao gồm các hoạt động: Đấu giá bán lẻ qua internet; Kinh doanh đa cấp)	4791
127.	Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu - Bán lẻ các loại hàng hóa bằng phương thức khác chưa kể ở trên như: bán thông qua máy bán hàng tự động ; - Bán trực tiếp nhiên liệu (dầu đốt, gỗ nhiên liệu), giao trực tiếp tới tận nhà người sử dụng; - Bán lẻ của các đại lý hưởng hoa hồng (ngoài cửa hàng).	4799
128.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải độc hại	3822

6. Vốn điều lệ: 1.000.000.000 VNĐ

7. Danh sách thành viên góp vốn:

STT	Tên thành viên	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Giá trị vốn góp (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số CMND (hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác) đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
1	NGUYỄN THỊ THẬP	Số 12, ngõ 150 đường Cổ Lĩnh, Phường Thạch Bàn, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	800.000.000	80,000	001179002451	
2	NGUYỄN THỊ HẰNG NGÀ	thôn Mai Đông, Xã Mai Đình, Huyện Sóc Sơn, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	200.000.000	20,000	001189012710	

8. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: HOÀNG VĂN TUẤN

Giới tính: Nam

Chức danh:

Sinh ngày: 04/04/1987

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 001087020597

Ngày cấp: 22/08/2017

Nơi cấp: Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: thôn Mai Đông, Xã Mai Đình, Huyện Sóc Sơn, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: thôn Mai Đông, Xã Mai Đình, Huyện Sóc Sơn, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội